

HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG NGÀNH GỖ NĂM 2023

Cao Thị Cẩm (VIFOREST)

Trần Lê Huy (FPA Bình Định)



Tháng 3 năm 2024

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo ***Hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong ngành gỗ năm 2023*** là sản phẩm hợp tác của Nhóm nghiên cứu của Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST), Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA), Hiệp hội Chế biến gỗ tỉnh Bình Dương (BIFA), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định), và Hiệp hội Gỗ và Thủ công Mỹ nghệ tỉnh Đồng Nai (DOWA). Cụ thể, Báo cáo tóm lược tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành gỗ Việt Nam giai đoạn 2020 đến hết năm 2023 cũng như tình hình xuất khẩu của nhóm doanh nghiệp FDI. Nguồn thông tin trong Báo cáo được tổng hợp từ số liệu thống kê các dự án đầu tư, hoạt động xuất nhập khẩu của nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và Tổng cục Hải quan.

Nhóm tác giả chân thành cảm ơn sự giúp đỡ sự hỗ trợ tài chính của Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD) và Bộ Ngoại giao và Phát triển Vương quốc Anh (FCDO) cùng các ý kiến đóng góp của các chuyên gia trong ngành, lãnh đạo các Hiệp hội nêu trên cũng như các đồng nghiệp Forest Trends đã tham gia góp ý, biên tập báo cáo.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	2
MỤC LỤC.....	3
TÓM TẮT	4
1. Giới thiệu	6
2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành gỗ năm 2023.....	6
2.1. Đầu tư FDI vào Việt Nam nói chung	6
2.2. Đầu tư FDI vào ngành gỗ	7
2.2.1. Các dự án đầu tư mới	9
2.2.2. Các dự án góp vốn mua cổ phần.....	14
2.2.3. Các dự án điều chỉnh vốn	18
2.3. Địa phương nhận các dự án FDI mới.....	22
3. Xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI	23
3.1. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	24
3.2. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo địa phương nhận đầu tư.....	25
4. Kết luận	27

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1: Số dự án FDI và số vốn đầu tư trong năm 2023 theo hình thức đầu tư.....	7
Hình 2: Số dự án FDI đầu tư mới và tổng vốn FDI đầu tư mới vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023.....	9
Hình 3: Quy mô bình quân mỗi dự án FDI đầu tư mới vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023	11
Hình 4: Số các dự án FDI đầu tư mới theo ngành hàng vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023.....	13
Hình 5: Vốn đầu tư các dự án FDI đầu tư mới theo mặt hàng vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023 (Đơn vị: USD).....	13
Hình 6: Lượt góp và giá trị vốn FDI góp mua cổ phần vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023	14
Hình 7: Giá trị vốn góp trung bình mỗi lượt trong các dự án góp vốn mua cổ phần giai đoạn 2020 - 2023	16
Hình 8: Số lượt đầu tư GVMCP vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023	17
Hình 9: Giá trị vốn đầu tư GVMCP vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023	17
Hình 10: Số lượt và giá trị điều chỉnh vốn vào dự án FDI ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023	18
Hình 11: Mức vốn trung bình của mỗi lượt điều chỉnh vốn đầu tư FDI vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023 (Đơn vị: triệu USD).....	20
Hình 12: Số lượt điều chỉnh vốn FDI vào ngành gỗ phân theo ngành hàng giai đoạn 2020 - 2023	21
Hình 13: Giá trị vốn điều chỉnh của các dự án FDI ngành gỗ phân theo ngành hàng giai đoạn 2020 - 2023	21
Hình 14: Số các địa phương nhận các dự án FDI mới vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023	22

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Đầu tư FDI vào ngành gỗ Việt Nam giai đoạn 2020 - 2023.....	8
Bảng 2: Số dự án mới và giá trị vốn đầu tư của các quốc gia/ vùng lãnh thổ vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023	10
Bảng 3: Mức vốn đầu tư FDI trung bình mỗi dự án vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023 (USD).....	12
Bảng 4: Lượt và giá trị vốn góp mua cổ phần của các doanh nghiệp FDI theo quốc gia/ vùng lãnh thổ giai đoạn 2020 -2023	15
Bảng 5: Giá trị vốn góp trung bình cho mỗi lượt góp vốn theo quốc gia giai đoạn 2020 - 2023 (USD) ...	16
Bảng 6: Số lượt và giá trị vốn điều chỉnh của các dự án FDI ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023	19
Bảng 7: Số dự án và giá trị vốn đầu tư FDI mới vào ngành gỗ theo địa phương giai đoạn 2020 - 2023.	23
Bảng 8: Số DN xuất khẩu và kim ngạch XK phân theo nhóm DN FDI và DN Việt giai đoạn 2020 -2023	24
Bảng 9: Kim ngạch XK của khối DN FDI theo quốc gia đầu tư vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023.....	24
Bảng 10: Kim ngạch xuất khẩu phân bố theo tỉnh thành phân theo DN FDI và DN Việt giai đoạn 2020 - 2023.....	26

TÓM TẮT

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng trong ngành gỗ Việt Nam. Hiện ngành đang có sự hiện diện đồng đều của các doanh nghiệp (DN) thuộc khối này trong các khâu chủ đạo của chuỗi cung, bao gồm sản xuất, chế biến và xuất khẩu. Các DN FDI sản xuất các sản phẩm đầu ra đa dạng, nhưng tập trung chủ yếu ở mảng chế biến gỗ và gần đây là viên nén. Một số thông tin cơ bản về hoạt động của nhóm DN FDI này trong năm 2023 bao gồm:

Các dự án đầu tư mới

- Các dự án (DA) đầu tư mới trong năm 2023 tăng so với năm 2022. Năm 2023, ngành nhận 57 dự án (DA) mới với tổng vốn đầu tư khoảng 300 triệu USD. DA có vốn sở hữu từ Trung Quốc chiếm 49,1% về số lượng DA và 35,5% về vốn đầu tư. Các nguồn DA FDI lớn khác bao gồm Singapore, Hồng Kông (Trung Quốc), Seychelles và Nhật Bản.
- Có 12 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào ngành trong năm.
- Quy mô vốn bình quân đầu tư của mỗi dự án FDI mới trong năm 2023 đạt khoảng 5,26 triệu USD/dự án, tăng 1,6 lần so với quy mô mỗi DA năm 2022.
- Chế biến gỗ là nhóm ngành hàng nhận được nhiều dự án đầu tư FDI mới, tiếp đến là ván nhân tạo (gỗ dán, ván sàn), viên nén, thương mại gỗ và phụ trợ ngành gỗ.
- Các địa phương đón nhận nhiều DA mới nhất bao gồm Bình Dương (18 dự án), Bình Phước (15 dự án), Long An và Bắc Giang mỗi địa Phương nhận được 3 DA.

Góp vốn mua cổ phần

- Năm 2023, số lượt và giá trị vốn góp mua cổ phần tăng trên 1,1 lần so với cả năm 2022. Có 36 lượt góp vốn mua cổ phần, với số vốn góp đạt 139,83 triệu USD, tăng 9,1% về số lượng và 27,1% về giá trị vốn so với năm 2022
- Các DN FDI từ Trung Quốc có số lượt góp vốn mua cổ phần lớn nhất.

Điều chỉnh vốn

- Số dự án điều chỉnh vốn năm 2023 tăng gần 1,2 lần cả về số lượng và số vốn so với năm 2022.
- Năm 2023, có 35 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn tăng đạt 57,24 triệu USD, tăng 16,7% về số lượng và 7,8% về số vốn so với năm 2022.

Xuất khẩu của khối DN FDI

- Năm 2023, số lượng các DN FDI tham gia xuất khẩu chỉ chiếm 18,8% trong tổng số DN XK của cả nước, nhưng kim ngạch XK của nhóm này đạt 6,24 tỷ USD, chiếm 47,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành.
- Tỷ trọng kim ngạch XK của các DN FDI Trung Quốc lớn nhất, chiếm 33,1% trong tổng kim ngạch XK của tất cả các DN khối FDI. Tiếp đến là các DN Đài Loan (Trung Quốc) (15,4%), Quần đảo Virgin thuộc Anh (14,1%) và Singapore (7%).

Các số liệu trên đây cho thấy trong năm 2023, các DA đầu tư mới, góp vốn mua cổ phần và điều chỉnh vốn của các DN FDI trong ngành gỗ đã tăng so với năm 2022. Sự gia tăng trong các hoạt động của các DN FDI, bao gồm cả khâu xuất khẩu một phần là kết quả từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đang tham gia, đồng thời cũng do lợi thế về vị trí địa lý của Việt Nam và sự phát triển của hệ sinh thái ngành gỗ của quốc gia. Bên cạnh đó, ngành gỗ có sức hút FDI là do các chính sách ưu đãi của Chính phủ và cũng đang được hưởng lợi trực tiếp từ các biện pháp phòng vệ thương mại mà Chính phủ Mỹ áp dụng đối với một số sản phẩm đồ gỗ Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ.

1. Giới thiệu

Đầu tư nước ngoài (FDI) đã trở thành một hợp phần quan trọng của ngành gỗ. Dữ liệu thống kê của ngành lâm nghiệp cho thấy hiện ngành có khoảng trên 3.500 doanh nghiệp (DN) tham gia khâu xuất khẩu. Trong đó, số lượng các DN FDI chiếm dưới 20%. Mặc dù chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, kim ngạch xuất khẩu của nhóm FDI luôn chiếm gần một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành. Số lượng DN FDI tham gia ngành và kim ngạch xuất khẩu của khối này luôn có sự tăng trưởng ổn định trong những năm vừa qua.

Khối DN FDI là một trong những động lực phát triển quan trọng của nền kinh tế với các yếu tố đầu vào quan trọng để phát triển như sức mạnh về vốn, trình độ quản lý, công nghệ và khả năng tiếp cận thị trường. Chính phủ cũng kỳ vọng rằng theo thời gian, các yếu tố đầu vào này sẽ được lan tỏa sang khối DN Việt Nam.

Báo cáo **Hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong ngành gỗ năm 2023** cập nhật thông tin về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong ngành gỗ Việt Nam đến hết năm 2023. Báo cáo tổng hợp thông tin về các dự án đầu tư FDI mới, các lượt sáp nhập, góp vốn mua cổ phần, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của khối FDI này.

Báo cáo bao gồm 4 phần. Sau Phần 1 (giới thiệu), Phần 2 cung cấp một số thông tin về khối doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ, tập trung vào các dự án FDI đầu tư mới, mở rộng vốn, mua bán sáp nhập. Phần 3 của báo cáo trình bày về thực trạng xuất khẩu của khối DN FDI. Phần 4 kết thúc báo cáo, với một số kết luận và kiến nghị.

2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành gỗ năm 2023

2.1. Đầu tư FDI vào Việt Nam nói chung

Sau khi kết thúc đại dịch Covid-19, Việt Nam trở thành điểm đến của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Theo số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) công bố, năm 2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam (FDI) đạt gần 36,61 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm 2022¹.

Cơ cấu đầu tư FDI vào Việt Nam trong năm 2023 như sau:

- Vốn đăng ký cấp mới: có 3.188 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tăng 56,6% so với cùng kỳ với tổng vốn đăng ký đạt hơn 20,19 tỷ USD, tăng 62,2% so với năm 2022.
- Góp vốn mua cổ phần: Có 3.451 giao dịch góp vốn mua cổ phần (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN), giảm 3,2% so với cùng kỳ, với tổng giá trị vốn góp đạt 8,5 tỷ USD, tăng 65,7% so với năm 2022.

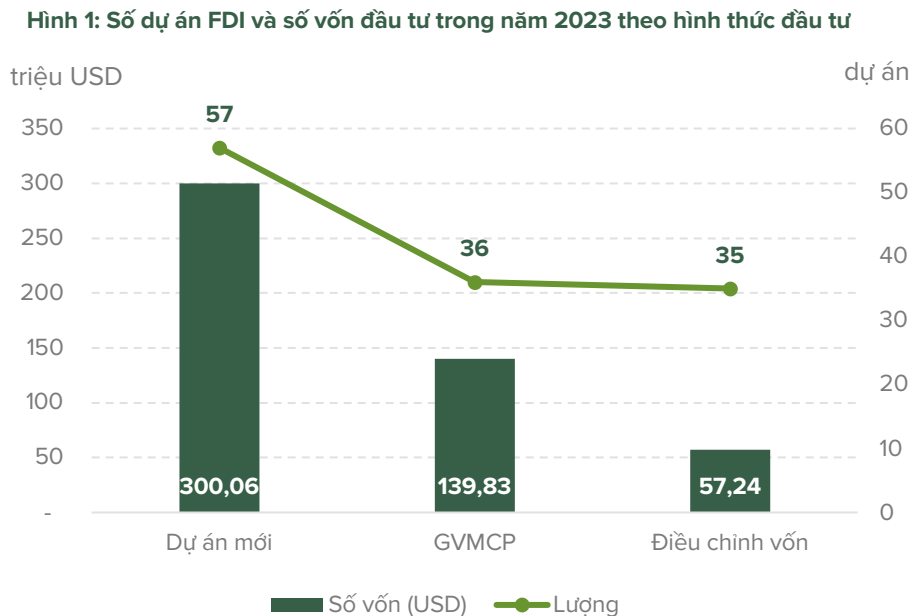
¹ <https://baochinhphu.vn/nam-2023-giai-ngan-von-fdi-o-muc-ky-luc-hon-23-ty-usd-102231227084554076>.

- Điều chỉnh vốn: có 1.262 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư, tăng 14% so với cùng kỳ, với tổng vốn đầu tư tăng thêm đạt 7,88 tỷ USD, giảm 22,1% với năm 2022.

Năm 2023, có 111 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, với vốn đầu tư thực hiện của các dự án đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm 2022². Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 6,8 tỷ USD, chiếm 18,6% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, tăng 5,4% so với năm 2022. Nhật Bản đứng thứ hai với gần 6,57 tỷ USD, chiếm hơn 17,9% tổng vốn đầu tư, tăng 37,3%. Hong Kông (Trung Quốc) đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 4,68 tỷ USD, chiếm gần 12,8% tổng vốn đầu tư, cao gấp 2,1 lần so với năm 2022. Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc) đứng ở các vị trí tiếp theo³.

2.2. Đầu tư FDI vào ngành gỗ

Năm 2023, các dự án đầu tư FDI vào ngành gỗ tăng cả về số lượng và vốn đầu tư ở cả 3 hình thức đầu tư gồm đầu tư mới, điều chỉnh vốn, và góp vốn mua cổ phần. Hình 1 thể hiện số lượng DA và tổng vốn FDI của mỗi loại hình thức đầu tư trong năm 2023.



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Cụ thể:

- Đầu tư mới: Số dự án (DA) và số vốn mới tăng lần lượt trên 2 lần và 3,3 lần so với năm 2022.
 - Năm 2020, ngành tiếp nhận 63 dự án mới với 372,68 triệu USD, giảm 36,4% về số dự án và 48,7% về vốn đầu tư so với năm 2019.
 - Năm 2021, số lượng các dự án đầu tư mới vào ngành tiếp tục giảm chỉ nhận 35 dự án với số vốn 332,84 triệu USD giảm 44,4% về số dự án và 10,7% về vốn đầu tư.

² <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/01/tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-nam-2023>

³ <https://baochinhphu.vn/nam-2023-giai-ngan-von-fdi-o-muc-ky-luc-hon-23-ty-usd-102231227084554076>

- Năm 2022, số dự án đầu tư mới chỉ nhận được 28 dự án với số vốn 90,25 triệu USD, giảm 20% về số dự án và 72,9% về số vốn.
- Năm 2023, ngành gỗ nhận được 57 dự án đầu tư mới, với số vốn 300,06 triệu USD.
- Góp vốn mua cổ phần (GVMCP): Giống như động lực tăng trưởng về số dự án đầu tư mới, trong năm 2023, số lượt và giá trị vốn góp mua cổ phần tăng trên 1,1 lần so với cả năm 2022. Cụ thể:
 - Năm 2020, có 122 lượt góp vốn mua cổ phần từ các DN ngoại, với số vốn góp là 244,8 triệu USD, giảm 57,3% về số lượt và 23,3% về vốn góp so với năm 2019.
 - Năm 2021, có 278 lượt góp vốn mua cổ phần, với số vốn góp là 126,33 triệu USD, tăng 1,28 lần về số lượt, nhưng giảm mạnh về số vốn góp, giảm 48,4% so với năm 2020.
 - Năm 2022, có 33 lượt góp vốn mua cổ phần, số vốn góp đạt 110,02 triệu USD. Số lượt góp vốn đã giảm mạnh 88,1% so với năm trước đó, và nhưng chỉ giảm 12,9% về số vốn góp.
 - Năm 2023, có 36 lượt góp vốn mua cổ phần, với số vốn góp đạt 139,83 triệu USD, tăng 9,1% về số lượng và 27,1% về số vốn so với năm 2022.
- Điều chỉnh vốn: Số dự án điều chỉnh vốn năm 2023 tăng trên 1,1 lần cả về số lượng và số vốn so với năm 2022. Cụ thể:
 - Năm 2020, các dự án FDI có 52 lượt điều chỉnh vốn, với tổng vốn tăng 193,65 triệu USD, tăng 6,12% về số lượt, nhưng giảm 46,91% về số vốn so với năm trước đó.
 - Năm 2021, có 27 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn tăng 144,14 triệu USD, giảm 48,08% về số lượt và 25,57% về số vốn tăng so với năm 2020.
 - Năm 2022, có 30 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn tăng là 53,08 triệu USD, tăng 11,11%, về số lượt, nhưng số vốn điều chỉnh lại giảm mạnh ở mức 63,17% so với năm trước đó.
 - Năm 2023, số lượt điều chỉnh vốn là 35 lượt, với số vốn tăng đạt 57,24 triệu USD, tăng 16,7% về số lượng và 7,8% về số vốn so với năm 2022.

Bảng 1 thể hiện chi tiết số dự án và giá trị vốn FDI đầu tư vào ngành gỗ trong giai đoạn 2020 - 2023.

Bảng 1: Đầu tư FDI vào ngành gỗ Việt Nam giai đoạn 2020 - 2023

Loại hình đầu tư	2020	2021	2022	2023
Dự án mới	63	35	28	57
Vốn đăng ký mới (USD)	372.679.383	332.837.383	90.254.849	300.064.495
Số lượt dự án điều chỉnh vốn	52	27	30	35
Vốn điều chỉnh (USD)	193.645.427	144.139.107	53.079.891	57.244.445
Số lượt góp vốn mua cổ phần	122	278	33	36
Giá trị góp vốn mua cổ phần (USD)	244.804.519	126.326.882	110.018.978	139.826.340

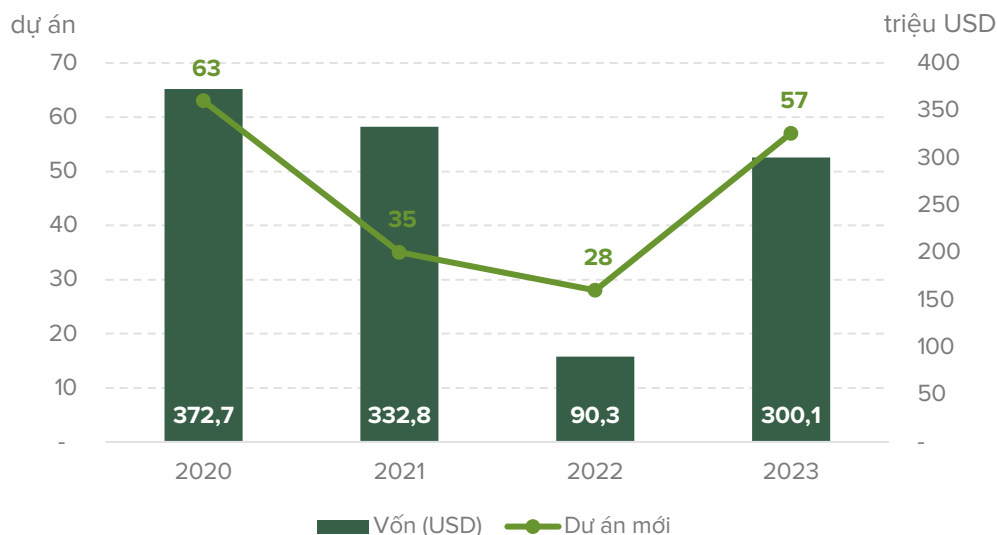
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

2.2.1. Các dự án đầu tư mới

Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư

Có tổng số 57 dự án FDI mới đầu tư vào ngành gỗ trong năm 2023 với tổng vốn đầu tư 300,06 triệu USD (Hình 2).

Hình 2: Số dự án FDI đầu tư mới và tổng vốn FDI đầu tư mới vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Năm 2023, có 12 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư các dự án mới vào ngành gỗ, tuy nhiên số vốn đầu tư chủ yếu tập trung ở các quốc gia/ vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản, Hồng Kông (Trung Quốc) và Seychelles. Đặc biệt, trong năm 2023 Hà Lan là quốc gia mới góp mặt trong danh sách các quốc gia/ vùng lãnh thổ có vốn đầu tư lớn. Cụ thể:

- Trung Quốc: 28 dự án với vốn đầu tư 106,63 triệu USD, chiếm 49,1% về số dự án và chiếm tới 35,5% về tổng vốn đầu tư nước ngoài vào ngành gỗ trong năm 2023. Các dự án do Trung Quốc đầu tư chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực sau: 18 dự án về chế biến gỗ, đầu tư vào sản xuất các sản phẩm ghế sofa, bộ sofa, giường, tủ, tủ bếp, kệ bếp,...với vốn đầu tư 54,4 triệu USD, chiếm 48,2% tổng vốn đầu tư của Trung Quốc vào ngành gỗ; 3 dự án sản xuất gỗ dán với số vốn đầu tư trên 12,8 triệu USD, chiếm 12% tổng vốn FDI Trung Quốc đầu tư vào ngành gỗ; 3 dự án sản xuất ván sàn với vốn đầu tư lên tới 38,88 triệu USD, chiếm 36,5% tổng vốn FDI Trung Quốc vào ngành gỗ, còn lại là các dự án nhỏ sản xuất pallet gỗ, trang trí nội thất, thương mại, v.v.
- Singapore: 7 dự án mới với số vốn 35,28 triệu USD, chiếm gần 12,3% về số dự án và 11,8% về vốn đầu tư. Tập trung vào các mặt hàng sau: 4 dự án sản xuất mặt hàng giường, tủ bàn ghế với số vốn đầu tư 22 triệu USD, 1 dự án sản xuất mặt hàng gỗ dán với vốn đầu tư 8 triệu USD; 1 dự án sản xuất mặt hàng ghế sofa vốn đầu tư 2 triệu USD và 1 dự án còn lại đầu tư vào sản xuất đồ gỗ xây dựng với vốn đầu tư 3,28 triệu USD.
- Hồng Kông (Trung Quốc): 5 dự án mới, số vốn đầu tư 23,21 triệu USD, chiếm 8,8% về số dự án và 7,7% về tổng vốn đầu tư. Các dự án do Hồng Kông (Trung Quốc) đầu tư tập trung vào các mặt hàng như: sản xuất giường, tủ bàn ghế 3 dự án với 22,5 triệu USD; 1 dự án thương mại gỗ với vốn 0,4 triệu USD và 1 dự án làm sàn gỗ với vốn đầu tư 0,31 triệu USD.

- Seychelles: 4 dự án mới, với số vốn 22 triệu USD, tập trung vào sản xuất đồ gỗ cụ thể: 2 dự án sản xuất giường, tủ bàn ghế với số vốn 5 triệu USD; 2 dự án sản xuất đồ gỗ gia dụng với số vốn đầu tư 17 triệu USD.
- Nhật Bản: 4 dự án mới, số vốn đầu tư là 44,8 triệu USD, chiếm 7% về số dự án, nhưng chiếm tới 14,9% về số vốn đầu tư. Trong 4 đầu tư mới của Nhật Bản có 2 dự án lớn đầu tư sản xuất viên nén sinh khối với tổng vốn đầu tư lên tới 40,8 triệu USD, 1 dự án đầu tư sản xuất giường, tủ bàn ghế với vốn đầu tư 2 triệu USD và 1 dự án còn lại sản xuất phụ liệu ngành gỗ.
- Hoa Kỳ: 3 dự án với vốn đầu tư 7,74 triệu USD, tập trung vào mặt hàng: chế biến gỗ có 1 dự án với vốn đầu tư 3,5 triệu USD, gỗ dán có 1 dự án với vốn đầu tư 4,08 triệu USD và phụ liệu ngành gỗ có 1 dự án với vốn đầu tư 0,15 triệu USD.
- Hà Lan: 1 dự án sản xuất giường tủ, bàn ghế với vốn đầu tư lên tới 31,98 triệu USD.

Ngoài ra, năm 2023, Việt Nam còn nhận vốn đầu tư mới từ các quốc gia/ vùng lãnh thổ như: Đài Loan (Trung Quốc): 2 dự án, vốn đầu tư: 16,5 triệu USD; Hàn Quốc: 2 dự án mới với số vốn gần 0,92 triệu USD; Quần đảo Marshall (1 dự án; vốn đầu tư 11 triệu USD).

Bảng 2 cung cấp thông tin chi tiết về số dự án FDI đầu tư mới vào ngành gỗ và lượng vốn đầu tư phân theo quốc gia trong giai đoạn 2020 - 2023.

Bảng 2: Số dự án mới và giá trị vốn đầu tư của các quốc gia/ vùng lãnh thổ vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023

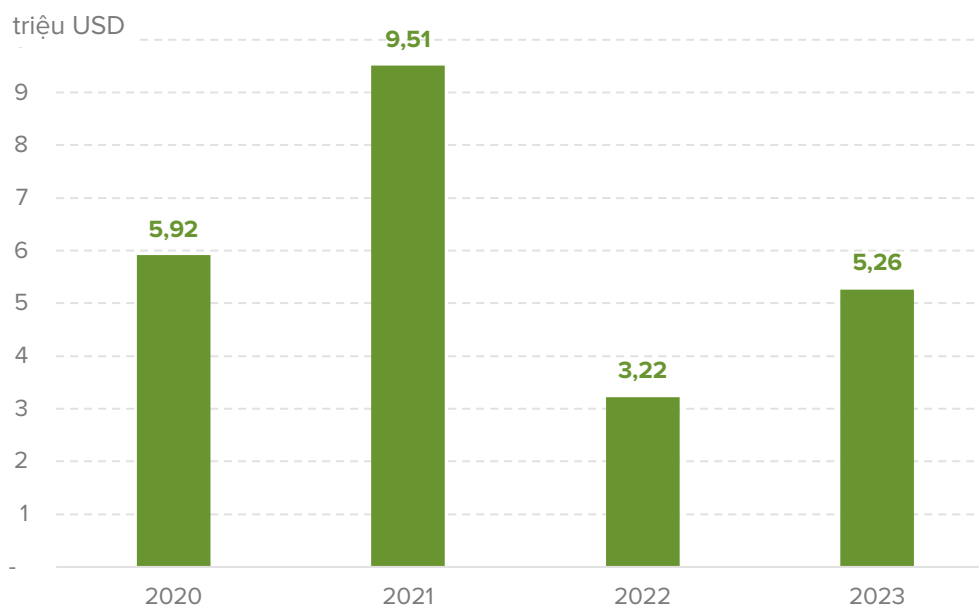
Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	2020		2021		2022		2023	
	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)
Trung Quốc	23	52.226.195	18	32.322.717	11	24.107.112	28	106.628.464
Đài Loan (Trung Quốc)	6	36.036.000			1	2.284.885	2	16.500.000
Hàn Quốc	2	736.300	1	7.645.480	2	5.585.836	2	916.667
Hồng Kông (Trung Quốc)	11	126.342.000	3	80.397.975			5	23.210.000
Nhật Bản			2	1.165.801	2	615.000	4	44.800.000
Samoa			1	7.500.000	1	2.000.000		
Hoa Kỳ	2	47.700.000	1	60.000.000			3	7.742.829
Malaysia	3	24.000.000						
Singapore	4	21.562.130	4	98.000.000	5	21.582.214	7	35.280.000
Quần đảo Virgin thuộc Anh	3	19.210.000	1	6.000.000	1	3.500.000		
Seychelles	4	24.000.000	1	25.000.000	1	15.000.000	4	22.000.000
Quần đảo Marshall			1	5.000.000			1	11.000.000
Hà Lan					1	440.918	1	31.986.535
Khác	5	20.866.758	2	9.805.410	3	15.138.884	-	-
Tổng	63	372.679.383	35	332.837.383	28	90.254.849	57	300.064.495

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Quy mô đầu tư

Quy mô vốn đầu tư bình quân của mỗi dự án FDI mới trong 2023 đạt khoảng 5,26 triệu USD/dự án, tăng 1,6 lần so với trước đó. Hình 3 thể hiện mức đầu tư trung bình cho 1 dự án FDI mới từ năm 2020 cho tới năm 2023.

Hình 3: Quy mô bình quân mỗi dự án FDI đầu tư mới vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Xét về quy mô dự án theo quốc gia/ vùng lãnh thổ trong năm 2023, các quốc gia/ vùng lãnh thổ có số vốn đầu tư trung bình của mỗi dự án lớn gồm có:

- Nhật Bản: có quy mô vốn đầu tư trung bình của mỗi dự án lớn nhất, đạt trên **11,2 triệu USD/ dự án**. Trong đó có 2 dự án với vốn đầu tư trên 40,8 triệu USD vào lĩnh vực viên nén sinh khối phục vụ cho sản xuất nhiệt điện.
- Đài Loan (Trung Quốc): xếp ở vị trí thứ hai với quy mô vốn trung bình đạt **8,25 triệu USD/ dự án**.
- Seychelles: đứng ở vị trí thứ 3 với vốn trung bình **5,5 triệu USD/dự án**.
- Singapore xếp thứ tư về quy mô vốn đầu tư của mỗi dự án, đạt mức **5,04 triệu USD/dự án**.
- Hồng Kông (Trung Quốc): vốn đầu tư trung bình đạt trên **4,64 triệu USD/1 dự án**.
- Hà Lan: 1 dự án với vốn đầu tư gần 31,99 triệu USD vào mặt hàng sản xuất mặt hàng giường, tủ, bàn ghế.
- Trung Quốc, quốc gia đứng đầu về số dự án đầu tư, nhưng vốn trung bình/1 dự án chỉ ở mức 3,81 triệu USD/ dự án.

Bảng 3 sau đây chỉ ra mức vốn đầu tư trung bình cho một dự án ngành gỗ giai đoạn từ năm 2020 tới 2023 theo Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư.

Bảng 3: Mức vốn đầu tư FDI trung bình mỗi dự án vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023 (USD)

Quốc gia/ vùng lãnh thổ	2020	2021	2022	2023
Trung Quốc	2.270.704	1.795.707	2.191.556	3.808.159
Đài Loan (Trung Quốc)	6.006.000	-	2.284.885	8.250.000
Hàn Quốc	368.150	7.645.480	2.792.918	458.334
Hồng Kông (Trung Quốc)	11.485.636	26.799.325	-	4.642.000
Nhật Bản	-	582.901	307.500	11.200.000
Samoa	-	7.500.000	2.000.000	-
Hoa Kỳ	23.850.000	60.000.000	-	2.580.943
Malaysia	8.000.000	-	-	-
Singapore	5.390.533	24.500.000	4.316.443	5.040.000
Quần đảo Virgin thuộc Anh	6.403.333	6.000.000	3.500.000	-
Seychelles	6.000.000	25.000.000	15.000.000	5.500.000
Quần đảo Marshall	-	5.000.000	-	11.000.000
Hà Lan	-	-	440.918	31.986.535
Các nước khác	4.173.352	4.902.705	5.046.295	-

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Ngành hàng đầu tư

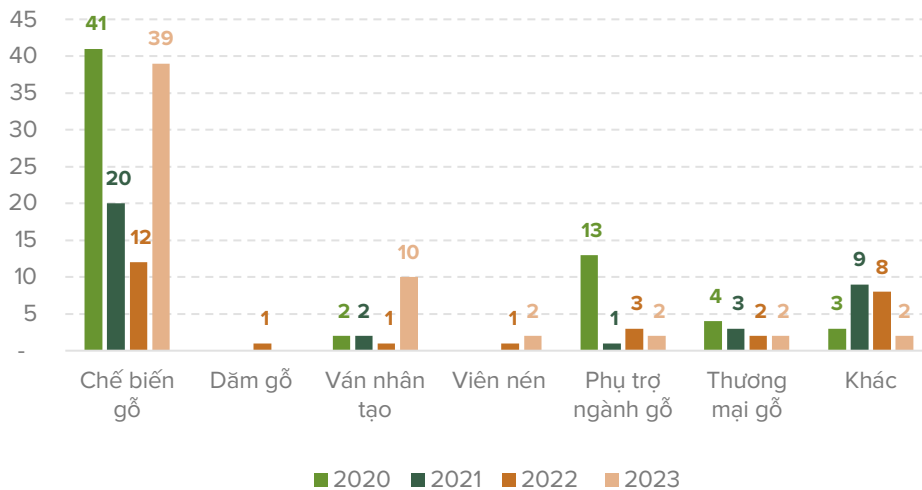
Chế biến gỗ là nhóm ngành hàng nhận được nhiều dự án đầu tư FDI mới, tiếp đến là ván nhân tạo (gỗ dán, ván sàn), viên nén, thương mại gỗ và phụ trợ ngành gỗ. Cụ thể trong năm 2023:

- Các dự án tập trung vào chế biến gỗ: 39 dự án, với tổng vốn đầu tư 190,58 triệu USD, chiếm 68,4% về số dự án và 62,3% về số vốn đầu tư. Các dự án sản xuất mặt hàng giường, tủ bàn, ghế và sofa gỗ là sản phẩm được chú trọng đầu tư nhiều trong nhóm này. Vốn trung bình đầu tư vào một dự án chế biến gỗ đạt khoảng 4,89 triệu USD, tăng 7,9% so với mức vốn đầu tư năm 2022. Trong nhóm sản phẩm này:
 - Trung Quốc: là quốc gia đứng đầu với 18 dự án, vốn đầu tư 51,4 triệu USD.
 - Singapore: đầu tư 6 dự án với tổng vốn đầu tư 27,28 triệu USD.
 - Seychelles: 4 dự án với tổng vốn đầu tư 22 triệu USD
 - Hồng Kông: 3 dự án với tổng vốn đầu tư 22,5 triệu USD.
 - Đài Loan (Trung Quốc): 2 dự án với tổng vốn đầu tư 16,5 triệu USD.
 - Nhật Bản: 2 dự án với tổng vốn đầu tư 4 triệu USD.
 - Các dự án đầu tư còn lại của các quốc gia như Hà Lan, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Quần đảo Marshall.

- Ván nhân tạo: 10 dự án đầu tư mới trong năm 2023, với tổng vốn đầu tư 64,6 triệu USD, chiếm 17,5% về số dự án và 21,1% về vốn đầu tư. Các quốc gia/ vùng lãnh thổ sau đầu tư vào mặt hàng này gồm:
 - Trung Quốc: 6 dự án đầu tư mới, với số vốn 51,7 triệu USD.
 - Singapore, Hoa Kỳ, Hồng Kông (Trung Quốc), Hàn Quốc: mỗi Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư 1 dự án với số vốn đầu tư lần lượt là 8 triệu USD, 4,08 triệu USD; 0,31 triệu USD và 0,5 triệu USD.
- Viên nén gỗ: 2 dự án với tổng vốn đầu tư 40,8 triệu USD tới từ nhà đầu tư Nhật Bản, chiếm 3,5% về số dự án và 13,3% về tổng vốn đầu tư.
- Các dự án còn lại tập trung vào các ngành hàng như: phụ trợ ngành gỗ, pallet gỗ và thương mại gỗ.

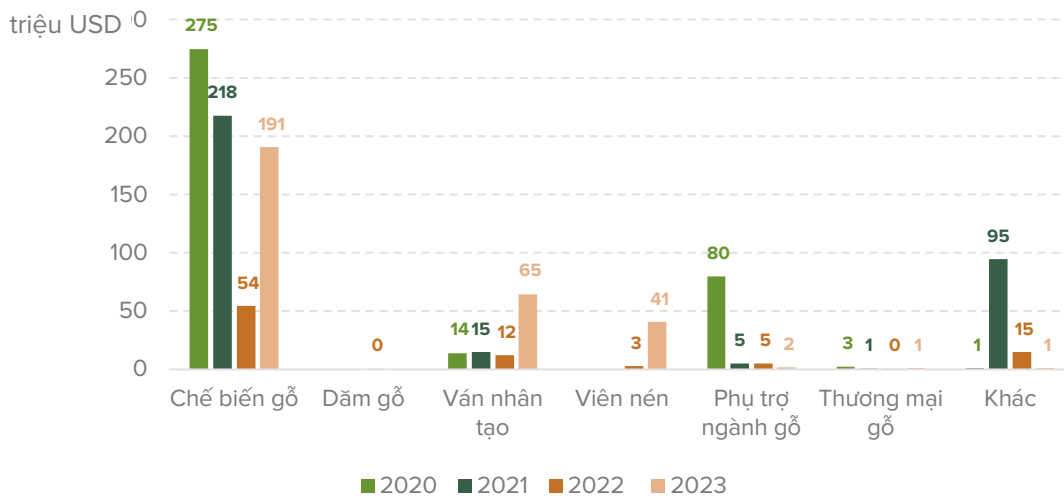
Hình 4 và Hình 5 mô tả tình hình các dự án đầu tư mới theo ngành hàng giai đoạn 2020 - 2023.

Hình 4: Số các dự án FDI đầu tư mới theo ngành hàng vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 5: Vốn đầu tư các dự án FDI đầu tư mới theo mặt hàng vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023 (Đơn vị: USD)



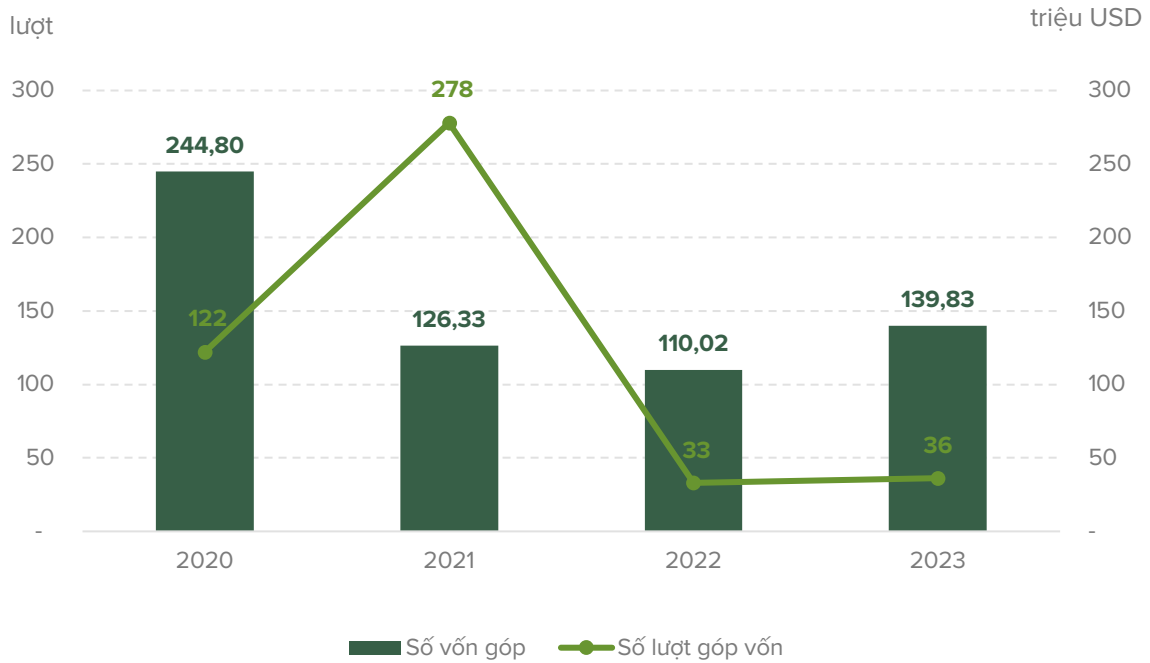
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

2.2.2. Các dự án góp vốn mua cổ phần

Các DA góp vốn mua cổ phần theo quốc gia/ vùng lãnh thổ

Năm 2023, số các dự án góp vốn mua cổ phần đạt 36 lượt, với tổng vốn góp đạt 139,83 triệu USD, tăng 9,1% về số lượt và 27,1% về về số vốn góp so với cùng kỳ năm 2022. Hình 6 chỉ ra sự thay đổi về lượt góp vốn và giá trị vốn góp qua các năm trong giai đoạn 2020 - 2023.

Hình 6: Lượt góp và giá trị vốn FDI góp mua cổ phần vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Có 9 quốc gia và vùng lãnh thổ có các dự án góp vốn mua cổ phần trong ngành gỗ năm 2023, tập trung ở các nước/ vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Singapore và Hoa Kỳ. Đây cũng chính là các quốc gia/ vùng lãnh thổ đứng đầu trong danh sách góp vốn mua cổ phần trong năm 2023. Cụ thể:

- Trung Quốc: có 13 lượt góp vốn mua cổ phần với số vốn góp đạt gần 10,58 triệu USD.
- Đài Loan (Trung Quốc): 7 lượt góp vốn mua cổ phần, với số vốn góp đạt trên 74,68 triệu USD.
- Singapore: 5 lượt góp vốn mua cổ phần với tổng vốn góp đạt 14,49 triệu USD.
- Hoa Kỳ: 3 lượt, với số vốn góp mua cổ phần đạt gần 0,42 triệu USD.
- Thái Lan: 3 lượt góp vốn mua cổ phần với số vốn góp 3,66 triệu USD.
- Ngoài ra còn có các quốc gia/ vùng lãnh thổ như Hồng Kông (Trung Quốc), Ma-cao (Trung Quốc), Malaysia, Pháp với 1 lượt góp vốn mua cổ phần với số vốn góp lần lượt như sau: 5 triệu USD, 27,94 triệu USD, 1,32 triệu USD, 2,11 triệu USD.

Bảng 4 chỉ ra chi tiết sự biến động về số lượt góp vốn và tổng số vốn góp của các Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2020 tới năm 2023.

Bảng 4: Lượt và giá trị vốn góp mua cổ phần của các doanh nghiệp FDI theo quốc gia/ vùng lãnh thổ giai đoạn 2020 -2023

Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	2020		2021		2022		2023	
	Số lượt GVM CP	Giá trị GVMCP (USD)	Số lượt GVM CP	Giá trị GVMCP (USD)	Số lượt GV MC P	Giá trị GVMCP (USD)	Số lượt GVM CP	Giá trị GVMCP (USD)
Trung Quốc	45	27.440.657	37	15.283.589	11	13.106.350	13	10.575.486
Đài Loan (Trung Quốc)	28	25.675.699	17	28.837.504	5	56.128.543	7	74.682.524
Hàn Quốc	10	3.534.734	134	30.006.063	7	35.983.722		
Hồng Kông (Trung Quốc)	8	17.132.921	2	3.600.000	2	2.700.000	1	5.000.000
Nhật Bản	5	149.262.665	9	4.926.488	2	457.240		
Samoa	3	6.388.262	1	450.000				
Hoa Kỳ	7	553.774	7	8.646.691	1	214.593	3	41.801
Malaysia	5	4.300.054	5	1.531.992	1	19.530	1	1.328.268
Singapore	1	276.374	7	5.319.938			5	14.488.920
Quần đảo Virgin thuộc Anh			3	11.644.146				
Canada			2	146.417				
Khác	10	10.239.378	54	15.934.054	4	1.409.000	6	33.709.341
Tổng	122	244.804.519	278	126.326.882	33	110.018.978	36	139.826.340

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Quy mô các dự án góp vốn mua cổ phần

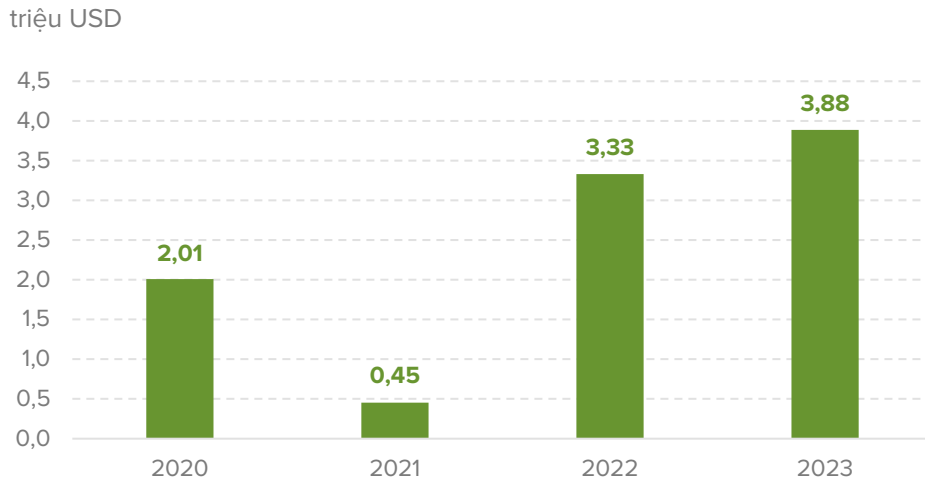
Năm 2022, mức góp vốn mua cổ phần trung bình là khoảng 3,33 triệu USD/lượt, tăng 7,3 lần so với mức vốn góp trung bình cho 1 dự án vào năm 2021 (0,45 triệu USD). Tới năm 2023, mức góp vốn trung bình mua cổ phần tăng lên 3,88 triệu USD/lượt tăng 1,2 lần so với năm trước.

Hình 7 thể hiện mức vốn đầu tư trung bình cho mỗi lượt góp vốn giai đoạn từ 2020 tới hết 2023.

Trong năm 2022 và 2023, Đài Loan (Trung Quốc) là vùng lãnh thổ có mức vốn góp mua cổ phần cao, đạt trung bình từ 10 -11 triệu USD/lượt. Hàn Quốc là quốc gia có mức vốn góp mua cổ phần trung bình 5,14 triệu USD mỗi lượt vào năm 2022. Đứng thứ 3 là Hồng Kông (Trung Quốc) với mức vốn góp mua cổ phần trung bình 5 triệu USD/lượt vào năm 2023. Singapore với vốn góp mua cổ phần trung bình 2,89 triệu USD/lượt. Các quốc gia/ vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Hoa Kỳ có số lượt góp vốn

cao, tuy nhiên, quy mô mỗi lượt chỉ đạt trung bình trên dưới 1 triệu USD/lượt. Bảng 5 chỉ ra số vốn góp trung bình cho 1 lượt theo quốc gia/ vùng lãnh thổ giai đoạn năm 2020 - 2023.

Hình 7: Giá trị vốn góp trung bình mỗi lượt trong các dự án góp vốn mua cổ phần giai đoạn 2020 - 2023



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Bảng 5: Giá trị vốn góp trung bình cho mỗi lượt góp vốn theo quốc gia giai đoạn 2020 - 2023 (USD)

Quốc gia/ vùng lãnh thổ	2020	2021	2022	2023
Trung Quốc	609.792	413.070	1.191.486	813.499
Đài Loan (Trung Quốc)	916.989	1.696.324	11.225.709	10.668.932
Hàn Quốc	353.473	223.926	5.140.532	
Hồng Kông (Trung Quốc)	2.141.615	1.800.000	1.350.000	5.000.000
Nhật Bản	29.852.533	547.388	228.620	
Samoa	2.129.421	450.000		
Hoa Kỳ	79.111	1.235.242	214.593	13.934
Malaysia	860.011	306.398	19.530	1.328.268
Singapore	276.374	759.991		2.897.784

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Ngành hàng đầu tư góp vốn mua cổ phần

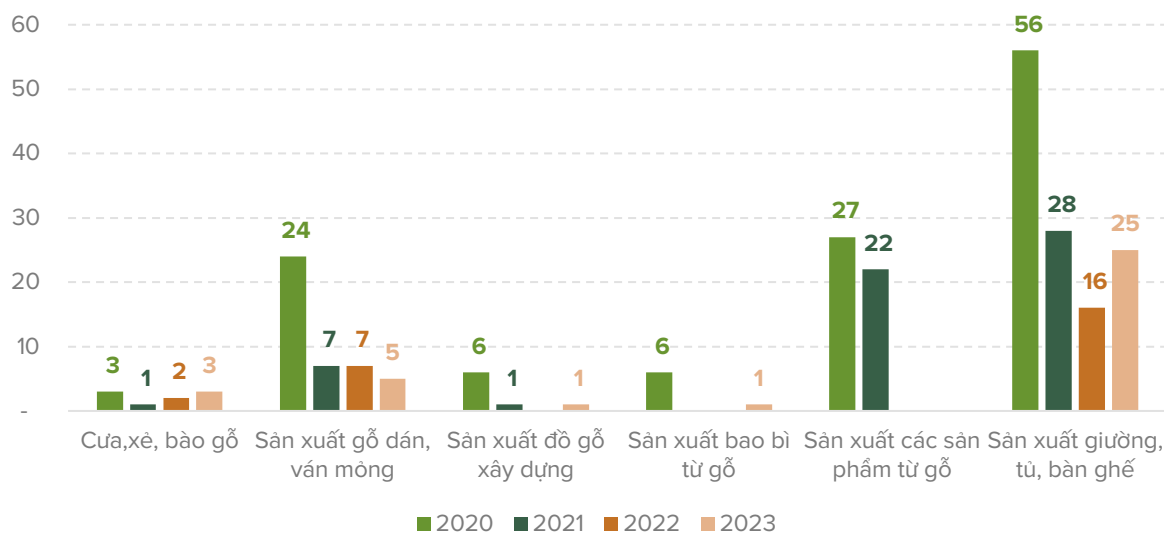
Ngành sản xuất giường, tủ, bàn ghế và ngành sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác là hai ngành hàng có sự thay đổi lớn về lượt góp vốn cũng như số vốn góp mua cổ phần trong năm 2023. Đáng chú ý ba là ngành hàng cửa xê bào gỗ. Cụ thể sự thay đổi này trong năm 2023 như sau:

- Ngành hàng giường, tủ, bàn ghế: có 25 lượt góp vốn, với tổng vốn góp thêm đạt 124,93 triệu USD, chiếm 69,4% tổng lượt GVMCP và 89,3% tổng vốn GVMCP. Năm 2022, mặt hàng này nhận 16 lượt với vốn đầu tư 103,66 triệu USD.

- Ngành hàng gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác: có 5 lượt đầu tư, tổng vốn góp đạt gần 8,68 triệu USD, chiếm 13,9% về lượt đầu tư và 6,2% về vốn đầu tư. Năm 2022, mặt hàng này nhận 7 lượt đầu tư với tổng vốn góp 5,52 triệu USD.
- Cửa xè bào gỗ: 3 lượt góp vốn với số vốn góp đạt 1,42 triệu USD trong năm 2023. Năm 2022, mặt hàng này nhận 7 lượt đầu tư với tổng vốn góp 5,52 triệu USD.

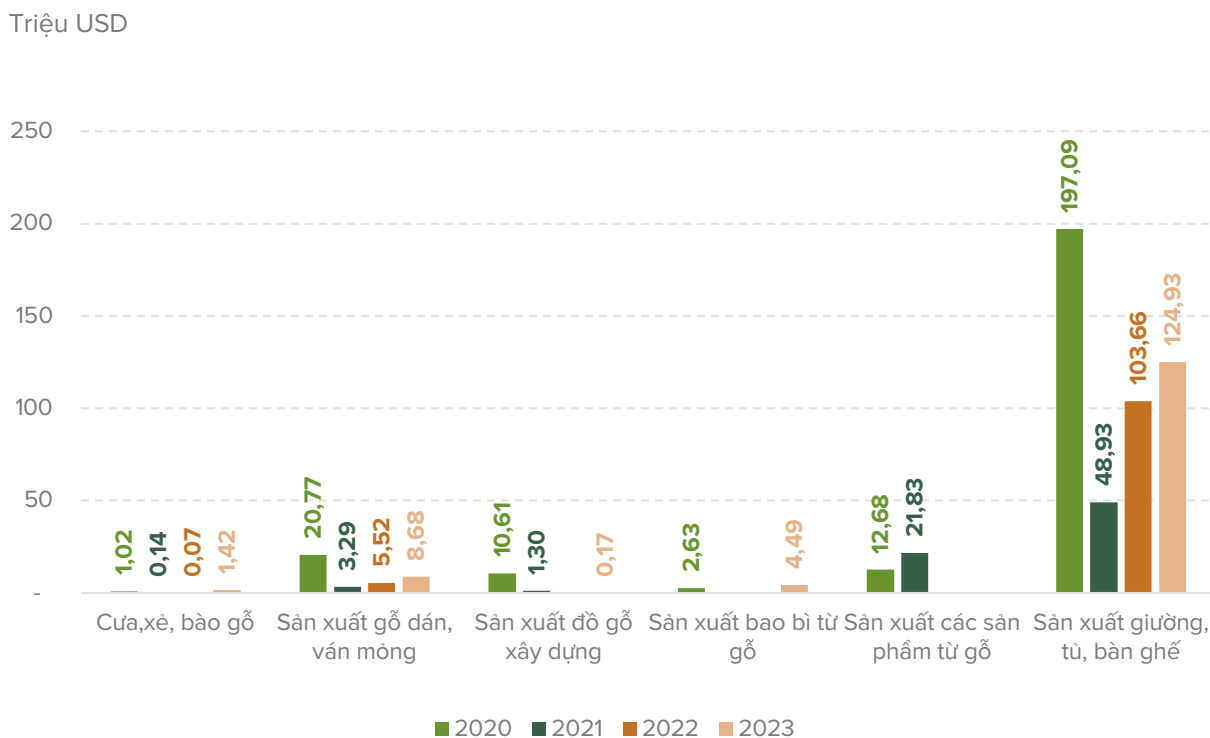
Hình 8 và Hình 9 thể hiện số lượt và số vốn GVMCP vào ngành gỗ từ năm 2020 tới năm 2023.

Hình 8: Số lượt đầu tư GVMCP vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 9: Giá trị vốn đầu tư GVMCP vào ngành gỗ giai đoạn 2020 – 2023



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

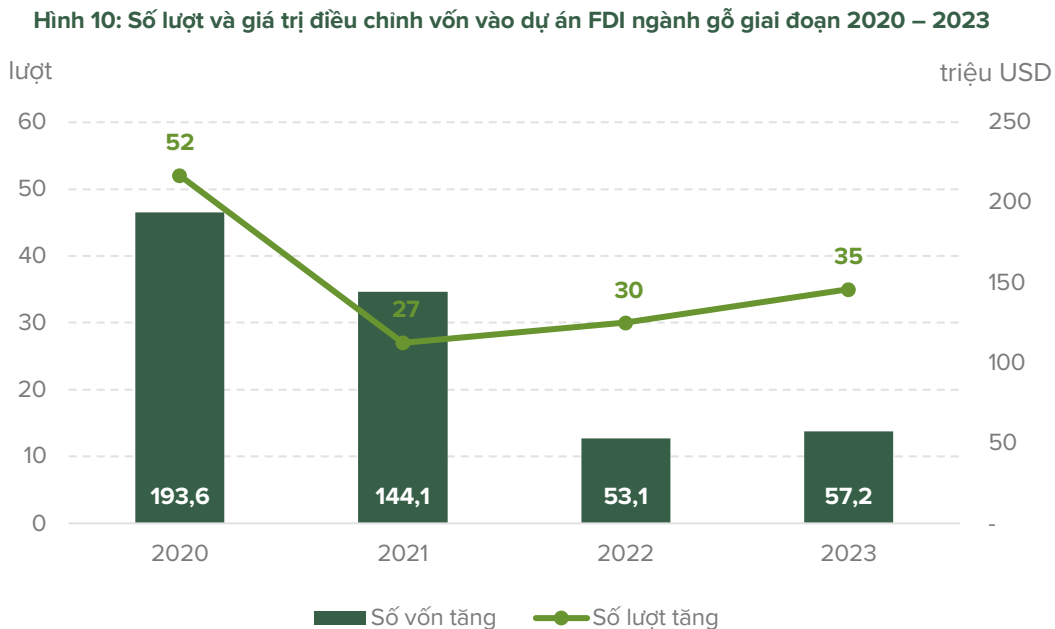
Hình 8 và Hình 9 cho thấy số vốn GVMCP vào các dự án như sản xuất giường, tủ, bàn ghế chiếm tỷ lệ rất lớn, tương đương gần 100% tổng số vốn GVMCP. Có được điều này là do, trong năm 2023, Việt Nam nhận được sự thay đổi về số vốn góp tới từ hai nhà đầu tư từ Đài Loan và Ma-cao (Trung Quốc) vào hai nhà máy sản xuất giường tủ, bàn ghế tại Đồng Nai và Bình Dương với số vốn góp lần lượt là 71,02 triệu USD và 27,94 triệu USD.

2.2.3. Các dự án điều chỉnh vốn

Trong giai đoạn từ năm 2020 tới năm 2023, khối FDI trong ngành gỗ có 144 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn điều chỉnh đạt 448,11 triệu USD.

Các Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư

Năm 2023, có 10 quốc gia/ vùng lãnh thổ điều chỉnh vốn đầu tư vào các dự án ngành gỗ, với 35 lượt, đạt 57,24 triệu USD, tăng 16,7% về số lượt và 7,8% về số vốn so với năm 2022. Hình 10 chỉ ra sự thay đổi về số lượt và số vốn điều chỉnh tăng qua các năm từ 2020 cho tới 2023.



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Trong tổng số 10 quốc gia/ vùng lãnh thổ có sự thay đổi về số lượt và số vốn điều chỉnh năm 2023, thì Trung Quốc, Samoa, Singapore, Nhật Bản, Úc, Thụy Điển, Malaysia là các quốc gia điều chỉnh vốn tăng, trong đó Trung Quốc và Singapore là hai quốc gia tăng cả về lượt và số vốn điều chỉnh tăng. Trong khi Đài Loan (Trung Quốc), Hoa Kỳ và Hàn Quốc lại là các quốc gia/ vùng lãnh thổ có số lượt và số vốn điều chỉnh giảm. Cụ thể:

Các quốc gia điều chỉnh vốn tăng trong năm 2023:

- Trung Quốc: Trong 2023, FDI Trung Quốc cũng có 12 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn tăng đạt 45,55 triệu USD, giảm 14,07% so với 2022. Các dự án FDI điều chỉnh tăng vốn năm 2023 của Trung Quốc đầu tư tập trung vào các mặt hàng: sản xuất mặt hàng tủ bếp: 4 lượt điều chỉnh, vốn tăng 6,69 triệu USD; sản xuất gỗ dán: 1 lượt, với vốn điều chỉnh tăng 2,5 triệu USD; ván sàn: lượt điều chỉnh, với vốn tăng 33 triệu USD.

- Singapore: Năm 2023, có 4 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn điều chỉnh tăng 5,52 triệu USD, tăng gấp đôi về số lượt và hơn 3 lần về số vốn so với năm 2022. Số vốn điều chỉnh tăng tập trung vào mặt hàng sản xuất giường, tủ bàn ghế với 3 lượt điều chỉnh tăng, với số vốn tăng 4,95 triệu USD.
- Ngoài ra các quốc gia có 1 lượt điều chỉnh tăng vốn như Úc (tăng 3 triệu USD); Malaysia (1 triệu USD), Nhật Bản (5,31 triệu USD), Samoa (10 triệu USD) và Thụy Điển (1 triệu USD)

Các quốc gia/ vùng lãnh thổ điều chỉnh vốn giảm trong năm 2023

- Đài Loan (Trung Quốc): 10 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn điều chỉnh giảm 4,11 triệu USD, giảm 578% về số vốn so với năm 2022. Năm 2022, FDI của khu vực này có 2 lượt điều chỉnh vốn, với vốn tăng 0,86 triệu USD.
- Hoa Kỳ: 3 lượt điều chỉnh vốn, với vốn giảm 9,4 triệu USD, trong khi năm 2022, các FDI của quốc gia này có 2 lượt điều chỉnh giảm vốn, với vốn giảm gần 2,4 triệu USD.
- Hàn Quốc: có 1 lượt điều chỉnh giảm vốn, với số vốn giảm 0,63 triệu USD, trong khi vào năm 2020 các FDI của quốc gia này có 12 lượt điều chỉnh giảm vốn, với số vốn giảm lên tới 15,44 triệu USD.

Bảng 6 chỉ ra số lượt và số vốn điều chỉnh của các dự án FDI vào ngành gỗ giai đoạn từ năm 2020 tới 2023.

Bảng 6: Số lượt và giá trị vốn điều chỉnh của các dự án FDI ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023

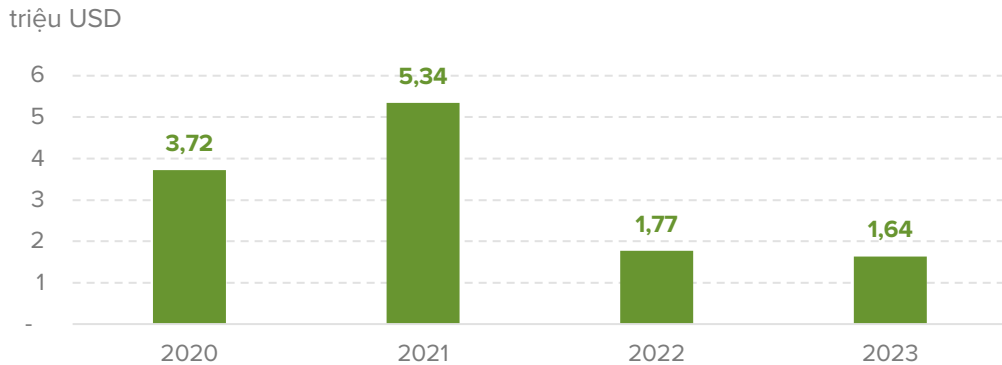
Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	2020		2021		2022		2023	
	Lượt điều chỉnh	Vốn điều chỉnh (USD)	Lượt điều chỉnh	Vốn điều chỉnh (USD)	Lượt điều chỉnh	Vốn điều chỉnh (USD)	Lượt điều chỉnh	Vốn điều chỉnh (USD)
Trung Quốc	19	91.882.332	6	39.283.580	12	53.006.511	12	45.549.479
Đài Loan (Trung Quốc)	5	5.538.092	3	5.326.241	2	860.000	10	-4.114.824
Hàn Quốc	7	10.138.057	3	15.198.794	6	-15.446.786	1	-630.000
Hồng Kông (Trung Quốc)	3	25.500.000	5	36.284.617	3	12.500.000		
Nhật Bản	4	3.505.770	1	1.458.200			1	5.317.310
Samoa	1	1.500.000	1	14.000.000	1	(220.000)	1	10.000.000
Hoa Kỳ	1	800.000	2	6.939.999	2	-2.395.690	3	-9.399.092
Malaysia							1	1.000.000
Singapore	1	4.500.000	1	22.800.000	2	1.275.856	4	5.521.572
Quần đảo Virgin thuộc Anh	1	20.000.000	1	2.000.000	1	1.500.000		
Khác	10	30.281.176	4	847.676	1	2.000.000	2	4.000.000
Tổng	52	193.645.427	27	144.139.107	30	53.079.891	35	57.244.445

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Quy mô đầu tư của các dự án điều chỉnh vốn

Năm 2022, mức điều chỉnh trung bình của mỗi dự án FDI là tăng vốn 1,77 triệu USD, giảm 66,9% so với năm 2021 (5,34 triệu USD/lượt). Trong năm 2023, chỉ số này đạt dưới 1,64 triệu USD/lượt, giảm 7,6% so với năm 2022. Hình 11 thể hiện mức đầu tư trung bình cho mỗi lượt điều chỉnh vốn từ năm 2020 tới 2023.

Hình 11: Mức vốn trung bình của mỗi lượt điều chỉnh vốn đầu tư FDI vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023 (Đơn vị: triệu USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Singapore, Nhật Bản, Hoa Kỳ là các quốc gia/ vùng lãnh thổ có số lượng dự án FDI trong ngành gỗ lớn. Quy mô điều chỉnh vốn trung bình trong một dự án của mỗi quốc gia/ vùng lãnh thổ lại khác nhau, tùy thuộc vào từng mật hàng đầu tư của doanh nghiệp thuộc các nước này. Cụ thể:

- Trung Quốc: Năm 2023, mức điều chỉnh tăng vốn của các FDI từ Trung Quốc đạt trung bình gần 3,8 triệu USD/ lượt, giảm 14,1% so với năm 2022.
- Singapore: các giao dịch điều chỉnh tăng vốn từ quốc gia này chỉ đạt trung bình là 1,38 triệu USD/lượt, tăng hơn 2 lần so với năm 2022 (chỉ ở mức 0,63 triệu USD/lượt).
- Đài Loan (Trung Quốc): mức điều chỉnh giảm vốn trung bình là 0,41 triệu USD/lượt trong năm 2023. Nguyên nhân khiến dòng vốn FDI Đài Loan (Trung Quốc) giảm trong năm 2023 là do sự thoái vốn tại 2 dự án sản xuất đồ gỗ gia dụng và giường tủ, bàn ghế tại Bình Phước ở mức lần lượt 10 triệu USD và 1,8 triệu USD.
- Hoa Kỳ: năm 2023, mức điều chỉnh giảm vốn trung bình của các doanh nghiệp FDI Hoa Kỳ là 3,13 triệu USD/lượt, tăng 2,62 lần so với mức 1,19 triệu USD/lượt năm 2022. Sự sụt giảm này là do một DN FDI Hoa Kỳ tại Bình Phước đã rút 17,64 triệu USD đầu tư khỏi dự án này.

Nhóm ngành hàng điều chỉnh vốn

Các nhóm ngành hàng có mức độ điều chỉnh vốn khác nhau. Sự biến động về số lượt điều chỉnh vốn trong năm 2023 của các nhóm ngành hàng cụ thể như sau:

- Chế biến gỗ⁴: có 23 lượt điều chỉnh vốn⁵, với số vốn giảm khoảng 2,88 triệu USD.

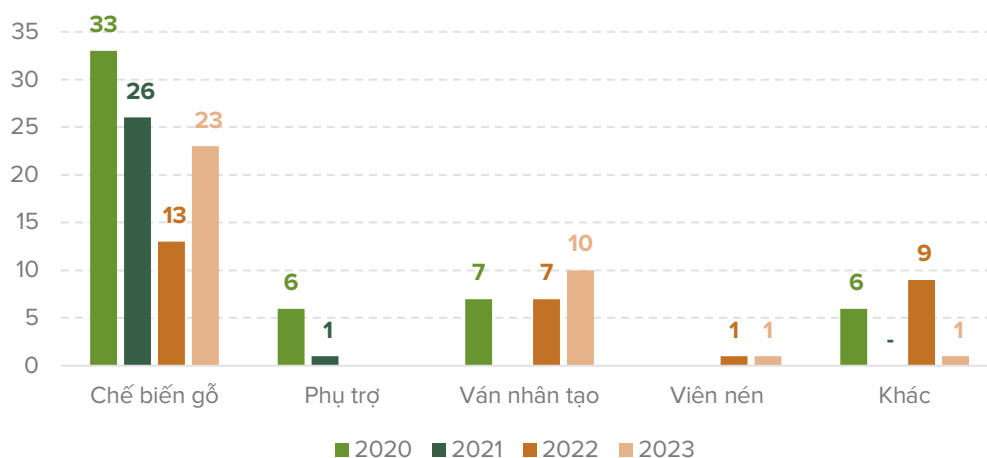
⁴ Chế biến gỗ: sản xuất các sản phẩm giường, tủ, bàn ghế, kệ, các sản phẩm đồ gỗ, đồ gỗ gia dụng trong nhà, ngoài trời, sản phẩm trang trí nội thất.

⁵ Bao gồm cả dự án mới, dự án điều chỉnh vốn và góp vốn mua cổ phần.

- Phụ trợ ngành gỗ⁶: không có sự biến động về lượt điều chỉnh cũng như vốn điều chỉnh.
- Ván nhân tạo⁷: có 10 lượt điều chỉnh, với tổng vốn điều chỉnh tăng 58,56 triệu USD. Vốn điều chỉnh tăng cao ở nhóm mặt hàng này được lý giải bởi sự tăng vốn ở các dự án sản xuất ván sàn, gỗ dán do Trung Quốc đầu tư (4 lượt điều chỉnh tăng vốn lần lượt ở mức 12,35 triệu USD, 10 triệu USD, 8,65 triệu USD và 7 triệu USD).
- Viên nén: có 1 lượt điều chỉnh, với vốn điều chỉnh tăng 0,56 triệu USD tới từ nhà đầu tư Singapore.
- Sản xuất các mặt hàng gỗ khác⁸: có 1 lượt điều chỉnh, với số vốn tăng đạt 1 triệu USD.

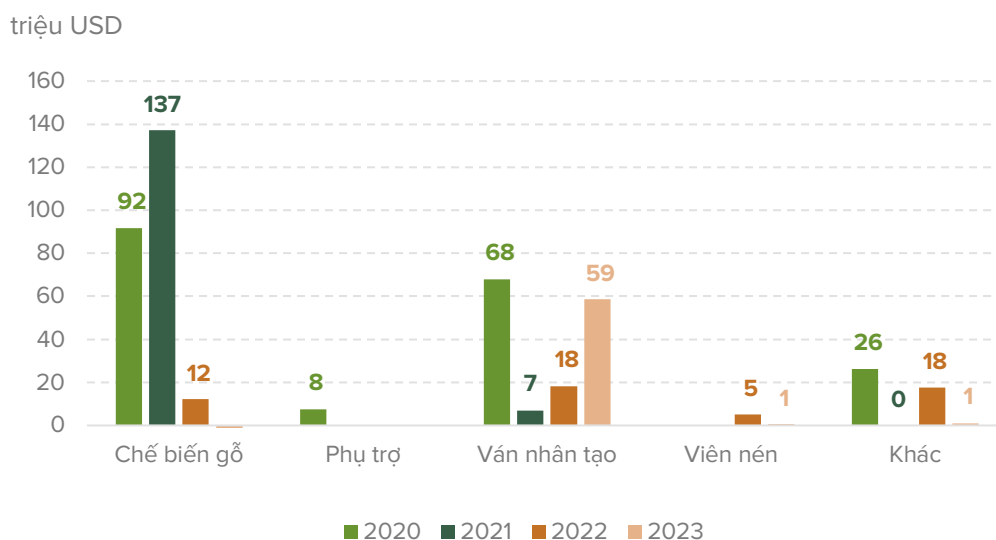
Hình 12 và Hình 13 chỉ ra chi tiết số lượt và giá trị vốn điều chỉnh chia theo mặt hàng đầu tư trong ngành gỗ giai đoạn từ năm 2020 tới hết 2023.

Hình 12: Số lượt điều chỉnh vốn FDI vào ngành gỗ phân theo ngành hàng giai đoạn 2020 - 2023



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 13: Giá trị vốn điều chỉnh của các dự án FDI ngành gỗ phân theo ngành hàng giai đoạn 2020 - 2023



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

⁶ Phụ trợ ngành gỗ: sản xuất keo, ngũ kim, sơn.

⁷ Ván nhân tạo: sản xuất các loại ván sàn, ván sợi, gỗ dán, ván mỏng bằng gỗ.

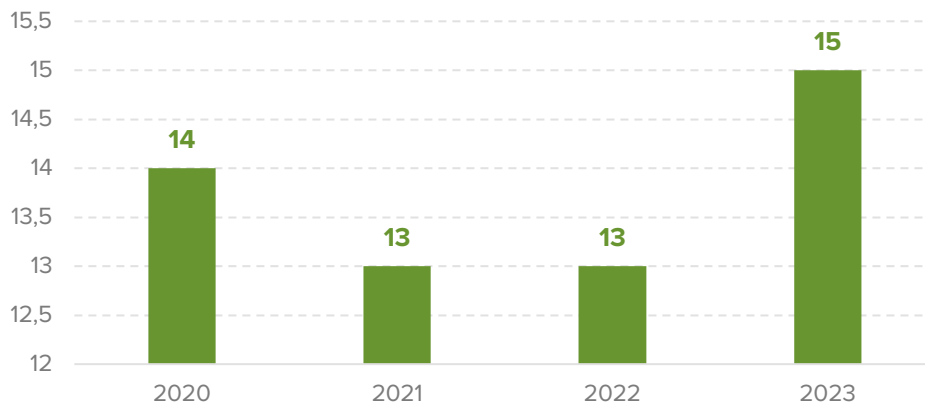
⁸ Sản xuất các mặt hàng gỗ khác: gồm đồ gỗ xây dựng, gỗ tròn, gỗ xẻ, dăm gỗ, pallet, bao bì, thương mại gỗ.

2.3. Địa phương nhận các dự án FDI mới

Trước đại dịch Covid-19, trung bình mỗi năm có khoảng 17-23 tỉnh/ thành phố nhận được các dự án đầu tư mới. Trong giai đoạn từ năm 2020 tới năm 2022, trung bình có từ 10-12 tỉnh/ thành phố nhận được các dự án FDI đầu tư mới trong ngành gỗ hàng năm. Năm 2023 đã có 15 tỉnh/thành phố nhận được các dự án đầu tư mới. Như vậy số các tỉnh/thành phố nhận được các dự án FDI mới có xu hướng tăng.

Hình 14 thể hiện số lượng các địa phương tiếp nhận các dự án đầu tư mới ngành gỗ trong giai đoạn 2020 tới năm 2023.

Hình 14: Số các địa phương nhận các dự án FDI mới vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Năm 2023, các dự án FDI mới đầu tư chủ yếu tập trung tại các địa phương như Bình Dương, Bình Phước, Hưng Yên, Long An, Bắc Giang. ... Cụ thể các tỉnh/thành phố nhận được dự án FDI mới đầu tư năm 2023 như sau:

- Bình Dương là tỉnh dẫn đầu về số lượng các dự án FDI trong ngành gỗ. Năm 2023, tỉnh này cấp phép 18 dự án đầu tư mới với số vốn đạt 50,32 triệu USD, chiếm 31,6% về số lượng dự án đầu tư mới và 16,8% về vốn đầu tư FDI của ngành gỗ, tăng 4,5 lần về số dự án và hơn 10,5 lần về số vốn so với năm 2022.
- Bình Phước đứng vị trí thứ 2 về số lượng các dự án FDI mới, nhưng lại dẫn đầu về số vốn đầu tư. Năm 2023, tỉnh này cấp phép 15 dự án đầu tư mới, tổng vốn đầu tư đạt gần 105,33 triệu USD, chiếm 28,6% về số lượng các dự án và 35,1% số vốn đầu tư FDI mới của cả ngành, tăng 114,3% về số dự án và 224,1% về số vốn so với năm 2022.
- Long An và Bắc Giang xếp ở vị trí thứ 3 trong số các tỉnh nhận được nhiều dự án FDI mới trong ngành gỗ năm 2023. Long An cấp phép 3 dự án đầu tư mới với số vốn đạt trên 2,25 triệu USD, chiếm 4,8% về số dự án và 0,8% về số vốn, tăng 3 lần về số lượng và gần 5 lần về số vốn so với năm 2022. Bắc Giang có 3 dự án đầu tư mới với tổng vốn đạt 29,22 triệu USD, chiếm 5,3% về số lượng dự án đầu tư mới và 9,7% về vốn đầu tư FDI của ngành gỗ, tăng 3 lần về số dự án và gần 14 lần về vốn so với năm 2022.
- Bắc Ninh, Bình Định, Đồng Nai, Phú Thọ, Tuyên Quang đều nhận được 2 dự án đầu tư mỗi tỉnh mới với số vốn đầu tư lần lượt đạt 1 triệu USD, 32,98 triệu USD, 8,5 triệu USD, 1,3 triệu USD và 20,71 triệu USD.

- Ngoài ra các tỉnh Hà Nam, Hà Tĩnh, Thái Nguyên, Tp. Hồ Chí Minh, Yên Bái đều nhận được 1 dự án đầu tư mới với số vốn lần lượt đạt 2 triệu USD, 4,88 triệu USD, 4,08 triệu USD, 0,16 triệu USD và 20,4 triệu USD.

Bảng 7 chỉ ra số dự án và giá trị vốn đăng ký các dự án đầu tư mới vào ngành gỗ do các tỉnh, thành phố cấp phép giai đoạn từ 2020 - 2023.

Bảng 7: Số dự án và giá trị vốn đầu tư FDI mới vào ngành gỗ theo địa phương giai đoạn 2020 - 2023

Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	2020		2021		2022		2023	
	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)
Bình Dương	24	138.990.612	8	31.044.000	4	4.784.885	18	50.321.651
TP. Hồ Chí Minh	1	1.000.000	-	-	2	483.653	1	159.496
Bình Phước	18	148.794.901	13	125.631.602	7	32.500.000	15	105.325.175
Đồng Nai	5	15.150.000	2	9.805.410	2	17.700.000	2	8.500.000
Bắc Ninh	1	700.000	3	2.249.400	3	6.250.000	2	1.000.000
Long An	3	241.390	1	500.000	1	456.145	3	2.255.877
Hà Nội	2	90.350	-	-	1	130.000	-	-
Yên Bái	-	-	1	5.000.000	1	2.678.200	1	20.400.000
Bắc Giang	1	10.000.000	1	75.000.000	1	2.107.112	3	29.225.531
Bình Định	-	-	-	-	2	4.318.334	2	32.986.535
Khác	8	57.712.130	6	83.606.971	4	18.846.520	10	49.890.230
Tổng	63	372.679.383	35	332.837.383	28	90.254.849	57	300.064.495

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

3. Xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI

Năm 2023, Việt Nam có 4.508 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu trực tiếp với kim ngạch đạt trên 13,18 tỷ USD. Số lượng DN FDI tham gia xuất khẩu là 706, chiếm 17,4% trong tổng số doanh nghiệp xuất khẩu, giảm 0,8% so với số DN FDI tham gia xuất khẩu năm 2022. Giá trị xuất khẩu của các DN FDI này đạt gần 6,25 tỷ USD, giảm 18,3% so với năm trước đó, chiếm 47,4% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG của cả nước.

Bảng 8 chỉ ra số lượng và giá trị xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI từ 2020 tới hết năm 2023.

Bảng 8: Số DN xuất khẩu và kim ngạch XK phân theo nhóm DN FDI và DN Việt giai đoạn 2020 -2023

Năm	Số DN				Kim ngạch xuất khẩu (USD)			
	2020	2021	2022	2023	2020	2021	2022	2023
DN FDI	653	671	712	706	6.070.646.298	6.987.313.280	7.645.158.794	6.247.356.463
DN Việt	2.970	2.926	3.067	3.352	5.943.211.863	7.138.084.653	8.023.189.083	6.929.986.857
Tổng	3.623	3.597	3.779	4.058	12.013.858.161	14.125.397.932	15.668.347.877	13.177.343.320

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

3.1. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư

Trong năm 2023, các DN FDI có vốn đầu tư từ Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Quần đảo Virgin thuộc Anh, Singapore và Nhật Bản dẫn đầu về giá trị xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu của các DN FDI thuộc 5 quốc gia/ vùng lãnh thổ trên đạt 4,75 triệu USD, chiếm 76% tổng kim ngạch xuất khẩu của khối FDI.

Bảng 9 trình bày giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư trong ngành gỗ giai đoạn từ năm 2020 tới 2023.

Bảng 9: Kim ngạch XK của khối DN FDI theo quốc gia đầu tư vào ngành gỗ giai đoạn 2020 - 2023

Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	2020	2021	2022	2023
Trung Quốc	827.077.825	2.319.179.108	2.024.099.696	2.070.848.057
Đài Loan (Trung Quốc)	879.650.578	1.292.727.223	1.282.095.038	959.864.126
Quần đảo Virgin thuộc Anh	927.577.279	674.505.874	1.085.371.270	883.624.729
Hồng Kông (Trung Quốc)	212.645.044	434.517.025	511.098.844	254.437.622
Nhật Bản	346.764.905	408.923.108	473.808.063	392.625.633
Malaysia	432.639.968	436.886.348	415.566.991	288.427.043
Singapore	383.543.138	527.284.330	346.321.164	439.320.065
Vương quốc Anh	120.024.886	173.633.180	155.268.145	179.403.413
Hàn Quốc	70.269.361	156.678.537	153.795.722	150.101.750
Samoa	147.761.395	102.663.326	147.473.931	93.599.575
Nước khác	1.722.691.919	460.315.219	1.050.259.930	535.104.449
Tổng	6.070.646.298	6.987.313.280	7.645.158.794	6.247.356.463

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

Cụ thể:

- DN có vốn đầu tư từ Trung Quốc: Năm 2023, giá trị xuất khẩu đạt 2,07 tỷ USD, tăng 2,3% so với năm 2022 và chiếm 33,1% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.
- DN có vốn đầu tư từ Đài Loan (Trung Quốc): đạt 0,96 tỷ USD, giảm 25,1% so với năm 2022, chiếm 15,4% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.
- DN có vốn đầu tư từ Quần đảo Virgin thuộc Anh: đạt trên 0,88 tỷ USD, giảm 18,6% so với năm 2022, chiếm 14,1% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.
- DN có vốn đầu tư từ Singapore: đạt gần 0,44 tỷ USD, tăng 26,9% so với năm 2022, chiếm 7% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.
- DN có vốn đầu tư từ Nhật Bản: đạt trên 0,39 tỷ USD, giảm 17,1% so với năm 2022, chiếm 6,3% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.

3.2. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo địa phương nhận đầu tư

Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Hồ Chí Minh là 4 địa phương có kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đạt giá trị cao trong năm 2023, đạt gần 4,9 tỷ USD, chiếm 78,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của khối DN FDI. Cụ thể về kim ngạch xuất khẩu G&SPG năm 2023 theo địa phương như sau:

- Bình Dương, tỉnh dẫn đầu về giá trị xuất khẩu trong ngành gỗ của cả nước. Năm 2023 giá trị xuất khẩu G&SPG của tỉnh này đạt gần 5,33 tỷ USD, giảm 10,6% so với năm 2022, chiếm 40,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành gỗ. Trong đó khối DN FDI đạt 3,71 tỷ USD chiếm 69,8% tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG của Bình Dương; DN nội địa đạt 1,6 tỷ USD chiếm 30,2%.
- Đồng Nai đứng thứ hai, đạt giá trị xuất khẩu trên 1,32 tỷ USD, giảm 29,3% so với năm 2022 và chiếm 10% tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG của cả nước. Trong đó khối FDI tại tỉnh này đạt 0,59 tỷ USD, chiếm 44,5% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG của Đồng Nai, khối DN nội địa đạt 0,73 tỷ USD, chiếm 55,5%.
- TP Hồ Chí Minh đứng thứ ba về kim ngạch xuất khẩu. Năm 2023 xuất khẩu G&SPG của Tp. Hồ Chí Minh đạt 1,02 tỷ USD, giảm 42% so với năm 2022, chiếm 7,7% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Trong đó khối DN FDI đạt 0,23 tỷ USD, chiếm 22,8% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG của Tp. Hồ Chí Minh, các DN nội địa đạt 0,79 tỷ USD, chiếm 77,2%.
- Bình Phước, địa phương đứng thứ 4 về kim ngạch xuất khẩu của khối DN FDI và là một trong số các địa phương nhận được nhiều dự án FDI mới trong ngành gỗ sau Bình Dương. Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu G&SPG của tỉnh này đạt 0,52 tỷ USD, tăng 93,4% so với năm 2022, chiếm 4% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước, đồng thời là tỉnh duy nhất có giá trị xuất khẩu tăng trong năm 2023. Trong đó kim ngạch xuất khẩu của khối DN FDI đạt 0,36 tỷ USD chiếm 68,8% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG của tỉnh Bình Phước, DN nội địa đạt 0,16 tỷ USD chiếm 31,2%.

Bảng 10 biểu thị giá trị xuất khẩu của DN FDI và DN trong nước giai đoạn 2020 - 2023 của các tỉnh thành.

Bảng 10: Kim ngạch xuất khẩu phân bố theo tỉnh thành phân theo DN FDI và DN Việt giai đoạn 2020 - 2023

Tỉnh/Thành phố	Kim ngạch XK của DN FDI				Kim ngạch XK của DN Việt Nam			
	2020	2021	2022	2023	2020	2021	2022	2023
Bình Dương	3.850.386.976	4.557.912.869	4.062.314.046	3.716.501.312	1.832.923.841	1.559.443.326	1.893.614.987	1.608.326.158
Đồng Nai	900.551.270	995.178.579	972.228.763	588.916.177	718.814.082	773.762.105	898.482.500	733.903.953
Bình Phước	58.552.211	140.379.231	140.280.339	358.825.363	97.746.319	114.273.013	129.266.237	162.383.089
TP Hồ Chí Minh	260.695.765	314.082.497	325.008.620	232.251.672	764.134.661	834.551.936	1.432.818.734	787.507.548
Vĩnh Phúc	152.042.076	201.260.755	192.704.320	152.264.480	5.743.153	38.599.722	37.547.885	28.922.182
Quảng Ninh	79.724.373	75.265.229	106.666.831	93.314.955	106.817.300	163.549.645	218.890.225	273.564.720
Long An	60.422.270	103.632.251	112.797.490	78.379.459	142.072.748	81.692.017	84.361.702	44.556.653
Tây Ninh	45.443.818	55.322.720	60.735.077	60.809.179	13.789.557	20.094.645	22.168.614	19.514.935
Hải Phòng	79.960.235	132.943.652	131.409.896	78.509.318	14.605.763	83.235.832	50.794.762	62.426.662
Thừa Thiên - Huế	28.621.446	52.804.423	63.718.629	38.202.910	30.852.398	42.552.506	60.220.711	40.199.950
Tỉnh khác	554.245.859	358.531.074	1.477.294.783	849.381.636	2.215.712.042	3.426.329.905	3.195.022.726	3.168.681.007

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

4. Kết luận

Trong năm 2023, ngành gỗ đã chứng kiến sự trở lại của khối DN FDI. Loại hình đầu tư của khối này đa dạng, bao gồm các DA đầu tư mới, góp vốn mua cổ phần và điều chỉnh vốn sản xuất. Đối với hoạt động xuất khẩu, khối DN FDI vẫn chiếm ưu thế khi kim ngạch XK đạt 6,24 tỷ USD chiếm tới 47,5% tổng kim ngạch XK của ngành, mặc dù số lượng DN khối này tham gia chỉ chiếm 18,8% trong tổng số DN tham gia xuất khẩu.

Nhìn chung, các dự án FDI mới đầu tư vào ngành gỗ tập trung vào các sản phẩm mang lại giá trị gia tăng cao, chủ yếu là các DA sản xuất sản phẩm giường, tủ bếp, bàn ghế. Trung Quốc vẫn là quốc gia chiếm ưu thế về số lượng cũng như mức vốn đầu tư ở cả 3 hạng mục đầu tư mới, góp vốn mua cổ phần và điều chỉnh vốn. Đặc điểm nổi bật của các DA FDI từ Trung Quốc là quy mô của mỗi dự án đầu tư tương đối nhỏ (so với quy mô của các DN đầu tư từ Nhật, Singapore). Kim ngạch XK của các DN Trung Quốc cao nhất trong nhóm các DN FDI tham gia xuất khẩu.

Trong năm 2023, Bình Phước trở thành tỉnh đón nhận dòng vốn FDI đầu tư vào ngành gỗ lớn nhất trên cả nước, vượt qua Bình Dương - tỉnh luôn đứng đầu về địa chỉ nhận nguồn vốn FDI vào ngành gỗ trước đó. Nhìn chung, các DA FDI trong ngành gỗ vẫn tập trung ở các tỉnh như Bình Dương, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Long An, Hưng Yên. Một số yếu tố hình thành tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư nước ngoài tại các tỉnh thành này bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng tốt, nguồn nhân lực ổn định, nỗ lực cải cách thủ tục hành chính và sự năng động trong công tác xúc tiến đầu tư của địa phương.

Kết quả hoạt động của các DN FDI trong ngành gỗ hiện nay cho thấy một điều đáng suy ngẫm đối với ngành gỗ Việt: số lượng DN FDI tham gia XK trực tiếp nhỏ nhưng kim ngạch XK lại rất lớn. Điều này thể hiện tính vượt trội trong khâu xuất khẩu của khối này so với khối DN nội địa. Ưu thế này có thể đến từ nhiều yếu tố như quy mô sản xuất/đầu tư, trình độ quản lý, công nghệ, khả năng tiếp cận thị trường, v.v. Đến nay, kết nối giữa các DN FDI và DN Việt còn hạn chế. Chính phủ và các hiệp hội gỗ cần thúc đẩy việc hình thành môi trường thể chế và chính sách phù hợp, nhằm khuyến khích cho việc hình thành kết nối giữa khối DN FDI và DN Việt. Kết nối này cũng nên bao gồm sự tham gia mạnh mẽ và thực tế hơn của khối DN FDI vào các thảo luận chính sách có liên quan tới sự phát triển của ngành. Việc thực hiện những điều này sẽ góp phần thúc đẩy ngành gỗ Việt Nam phát triển bền vững trong tương lai.